

Bản án số: 176/2022/DS-ST

Ngày: 14/7/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Kim Yển

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân quận T – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 về: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2022/QĐST – DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Bích Thanh Tr.

(Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1961;

Địa chỉ: 289B đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2021 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/4/2011, ông Nguyễn Hữu P có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao

gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.500.507 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 41.488.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/12/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 25/01/2021, ông Nguyễn Hữu P còn nợ các khoản sau:

+ Nợ gốc: 2.798.180 đồng

+ Lãi quá hạn: 22.100.449 đồng

Tổng cộng: 24.898.629 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng)

Mặc dù Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu ông P phải thanh toán ngay một lần toàn bộ khoản tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn, ông Nguyễn Hữu P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Ngân hàng yêu cầu ông P thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 14/7/2022 là 26.507.909 đồng (trong đó nợ gốc là 2.798.180 đồng và lãi quá hạn là 23.709.729 đồng), yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 15/7/2022 cho đến khi ông Nguyễn Hữu P thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã ký ngày 28/4/2011.

Bị đơn, ông Nguyễn Hữu P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – ông Nguyễn Hữu P. Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 1, quận Phú Nhuận thì ông Nguyễn Hữu P không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 24/7 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, quận Phú Nhuận. Tại địa chỉ trên không có ai tên Nguyễn Hữu P đăng ký tạm trú. Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường 1, quận T thì đương sự Nguyễn Hữu P có hộ khẩu thường trú tại 289B Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận T nhưng đã bán nhà chuyển đi nơi khác không rõ địa chỉ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 28/4/2011, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn Hữu P có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và có phát sinh dư nợ nhưng không thanh toán. Tính đến ngày 14/7/2022 là 26.507.909 đồng (trong đó nợ gốc là 2.798.180 đồng và lãi quá hạn là 23.709.729 đồng).

Việc Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Hữu P phải có trách nhiệm thanh toán số tiền là 26.507.909 đồng (trong đó nợ gốc là 2.798.180 đồng và lãi quá hạn là 23.709.729 đồng) và tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 15/7/2022 cho đến khi ông P thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 28/4/2011 là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; ông Nguyễn Hữu P có trách nhiệm trả số tiền 26.507.909 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 1.325.396 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc ông Nguyễn Hữu P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số 26.507.909 (hai mươi sáu triệu năm trăm lẻ bảy nghìn chín trăm lẻ chín) đồng (trong đó nợ gốc là 2.798.180 (hai triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi) đồng và lãi quá hạn là 23.709.729 (hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi chín) đồng). Ngoài ra, ông P còn có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 15/7/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do ông Nguyễn Hữu P ký ngày 28/4/2011.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.325.396 (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi sáu) đồng do ông Nguyễn Hữu P phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 622.000 (sáu trăm hai mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0019761 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản

án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Sâm